

Pháp Chiếm Sài Gòn Và Tiến Hành Cuộc Xâm Lược Việt Nam

Tháng 4-1857, Napoléon III quyết định thành lập một ủy ban nghiên cứu về Việt Nam (Commission de la Cochinchine) do hầu tước Brenier đứng đầu và 4 ủy viên Pierre Cintrat, Phó Đề đốc Fourichon, Đại tá hải quân Jamès, đại diện Bộ Thương mại Fleury và thư ký De Mofras.

Qua 7 phiên họp (từ 28-4 đến 18-5-1859), Ủy ban đã thảo luận 4 vấn đề chính: pháp lý, kinh tế, chính trị và quân sự và cuối cùng đã kết luận: Pháp cần xâm chiếm Việt Nam. Trung tướng Rigault de Genouilly được giao nhiệm vụ "chiếm Tourane" (Đà Nẵng) và giữ vững ở đó. Ngày 1-9-1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha dưới sự chỉ huy của Rigault de Genouilly tấn công Đà Nẵng mở đầu cuộc xâm lược. Nhưng chiến lũy Liên Trì, chiến thuật vườn không nhà trống và khí hậu khắc nghiệt đã khiến cho Rigault de Genouilly thất bại trong chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. Cuối cùng, y quyết định chọn mục tiêu thứ hai là Sài Gòn...

Quân Pháp Đánh Chiếm Sài Gòn

Vào giữa thế kỷ XIX, lịch sử Việt Nam bắt đầu những trang đen tối khác. Với dã tâm xâm lược, Pháp đã can thiệp quân sự vào Việt Nam bằng cách đánh chiếm Nam Kỳ rồi Bắc và Trung Kỳ, áp đặt chế độ đô hộ trên toàn bộ lãnh thổ nước ta.

Các nước châu Âu, đứng đầu là hai đại đế quốc Anh và Pháp đang tranh giành ráo riết các thuộc địa màu mỡ ở châu Phi, châu Á, vừa để độc quyền khai thác các tài nguyên phong phú, vừa mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp của mình. Riêng đối với Việt Nam, các nước phương Tây đã nhiều lần ngỏ ý muốn thiết lập bang giao, nhất là Pháp, do mối quan hệ đã có từ khi Nguyễn Phúc Ánh chưa thiết lập vương quyền nhà Nguyễn. Ý đồ của Pháp là thực hiện chiến lược bành trướng đế quốc thuộc địa tại châu Á, sau khi bị người Anh gạt ra khỏi Ấn Độ. Cho nên người Pháp rất muốn triều đình Huế dành cho họ đặc quyền buôn bán ở Việt Nam. Khi bị triều đình Huế nhiều lần từ chối (giai đoạn 1817-1831) Pháp liền đưa quân đến xâm lược nước ta.

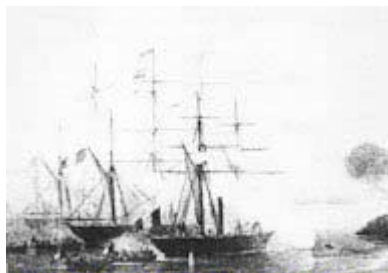


Pháp đánh thành Gia Định - 1859

Đến 1850, Đế nhị đế chính ở Pháp được thiết lập. Tình hình nội bộ Pháp đã ổn định. Lợi dụng việc cấm đạo của các vua nhà Nguyễn, và tác động của Hoàng Hậu Eugenie Marie De Montixio De Guzman người rất được triều đình Tây Ban Nha ủng hộ, Pháp hoàng Napoléon III quay lại chính sách can thiệp trước đây, với tư cách là người bảo vệ quyền truyền giáo của Hội truyền giáo hải ngoại Paris, người bảo vệ quyền lợi của Đế nhị đế chính Pháp.

Ngoài ra, sự can thiệp bằng vũ lực của Pháp vào Việt Nam còn là một thủ đoạn chính trị hết sức tinh vi của Napoléon III nhằm vô hiệu hóa sự chống đối của quân đội, giới thương nhân và nhất là của giáo hội Thiên chúa giáo với tham vọng độc quyền giáo tại Việt Nam. Hoàng đế Pháp Napoléon III quyết định cho tiến hành "Chính sách ngoại giao pháo hạm" đối với nước ta. Năm 1855, triều đình Pháp cử đặc sứ De Montigni đến các nước châu Á thảo luận ký hiệp ước thông thương.

Trong khi vị đặc sứ này còn đang thương thuyết ở Cao Miên thì ba hộ tống hạm Pháp đã đến Việt Nam trước. Ngày 17-9-1856 hộ tống hạm Catinat cập bến Đà Nẵng gặp phải sự đón tiếp



Tàu Pháp tấn công thành Gia Định

cảng thẳng, hạm trưởng Hải quân Trung tá Le Lieur đã cho nổ súng bắn phá các pháo đài phòng thủ cửa biển Đà Nẵng. Thái độ thù địch của lực lượng hải quân Pháp tại Đà Nẵng làm cho các đề nghị thương thảo sau này của đặc sứ Montigni không được triều đình Huế chấp nhận. Giám mục Pellerin vội vã lên đường về Pháp, vận động triều đình Pháp can thiệp vũ lực vào Việt Nam.

Napoléon III cho lập ngay "Ủy ban Nam Kỳ" (Commission de la Cochinchine). Trong phiên họp tháng 4-1857. Ủy ban Nam Kỳ khuyến cáo chính phủ Pháp phải chiếm giữ ba thương cảng chính của Việt Nam mà các thương nhân Pháp thường lui tới là: Kẻ Chợ, Đà Nẵng và Sài Gòn. Việc chiếm cứ này sẽ có lợi cho Pháp trên cả ba phương diện: Chính trị, thương mại và uy tín của đế quốc Pháp. Napoléon III chấp thuận đề nghị của Ủy ban và ra lệnh cho vị Tư lệnh hạm đội Pháp ở Viễn Đông, Phó Đô đốc Hải quân Rigault de Genouilly ngày 25-11-1857 phải đưa chiến hạm đến chiếm Đà Nẵng. Nhưng mãi đến 1-9-1858 hạm đội Pháp gồm 14 chiến hạm, 3000 quân mới đến nơi. Quân Pháp với sự hỗ trợ lực của một đơn vị bộ binh Tây Ban Nha do Đại tá Lanzarotte chỉ huy đã cùng tiến đánh cảng Đà Nẵng.

Sau khi chiếm hai đồn phòng thủ của Đà Nẵng, Phó Đô đốc Rigault De Genouilly nhận thấy không thể dùng Đà Nẵng làm căn cứ được, vì tình hình chiến sự trở nên phức tạp, quân triều đình Huế kháng cự mãnh liệt, không giống như các báo cáo của các giáo sĩ Pháp đã gửi cho Bộ hải quân và thuộc địa, do đó ông buộc phải thay đổi phương án chiếm đóng.

Đầu năm 1859, thay vì đem cả hạm đội ra vịnh Bắc Kỳ theo đúng kế hoạch dự kiến, De Genouilly quyết định đem quân vào đánh Nam Kỳ, giao cho Đại tá Toyon chỉ huy một đơn vị nhỏ, giữ các cứ điểm chiếm được ở Đà Nẵng. Việc thay đổi quyết định của De Genouilly được lý giải bởi các yếu tố sau:

Nam Kỳ (La Basse Cochinchine) là vựa lúa nuôi cả quân đội nhà Nguyễn và kinh đô Huế.

Vị trí Sài Gòn có những điều kiện tự nhiên rất thuận lợi về mặt giao thông hàng hải, thương mại đã được các nước phương Tây chú ý ngay từ những năm đầu thế kỷ XIX.

Thời điểm bấy giờ đang mùa gió Đông Bắc thuận lợi cho việc hạm đội Pháp xuôi Nam.

Hạm đội hải quân gồm các chiến hạm Phlége-ton, Primauguet, các pháo hạm L'Alarme, L'Avalanche, La Dragonne, các vận chuyển hạm La Durance, La Meurthe, La Saône và thông báo hạm máy hơi nước El Cano. Tất cả rời Đà Nẵng ngày 2-2-1859, đến ngày 9-2 thì tập kết tại cửa sông Sài Gòn. Sáng ngày 10-2 chiến hạm Pháp pháo kích phá hủy 2 pháo đài phòng vệ trên bờ biển Vũng Tàu. Ngày 11-22 chiến hạm Pháp Phlége-ton pháo kích phá hủy đồn Cần Giờ.

Soái hạm của R.De Genouilly ngược sông Sài Gòn, dẫn đầu một đoàn chiến thuyền gồm hai chiếc hộ tống hạm máy hơi nước, ba pháo hạm và một thông báo hạm máy hơi nước của Tây Ban Nha, kéo theo nhiều xà-lúp và canô chở quân trang quân dụng. Từ ngày 11-2 đến 15-2 quân Pháp lần lượt triệt hạ đồn phòng vệ của triều đình Huế đóng dọc theo sông Sài Gòn, sẵn sàng đánh chiếm Sài Gòn.

Lũy thành Sài Gòn được tổ chức phòng thủ hai mặt: mặt Nam là hai pháo đài phòng vệ, mặt Bắc là một lũy thành với nhiều pháo đài lồi.

Tối 15-2 Rigault de Genouilly cho tấn công và hủy diệt ngay một trong hai pháo đài ở mặt Nam, pháo đài còn lại cũng bị triệt hạ vào sáng 16-2. Tiếp tục việc chiếm đóng Sài Gòn chiến hạm L'Avalanche đi trinh sát hệ thống phòng thủ của lũy thành phía Bắc. 17-2-1859 các tàu chiến Pháp án ngữ đúng vị trí được phân công: chiến hạm Phlége-ton trực diện cổng thành, chiến



Quân Ypha nhỏ đánh đồn Chí Hòa

hạm Primauguet và hai pháo hạm L'Alarme, L'Avalanche, bảo vệ mặt trận phía trước, còn pháo hạm La Dragonne, Le Prigent và thông báo hạm El Cano bảo vệ mặt trận phía sau. Tất cả đồng loạt nổ súng để yểm trợ lực lượng đổ bộ áp sát mục tiêu. Thiếu tá Henri des Paillères cầm đầu hai đại đội bộ binh đánh vào sườn trái.

Trong khi đó Đại úy Gallimard dẫn toán công binh có nhiệm vụ đánh sập cửa lớn và các vách thành, hỗ trợ cho bộ binh tràn vào thành. Một đại đội khinh binh Tây Ban Nha dưới quyền của Thiếu tá Palance nằm chờ tăng viện cho hai cánh quân trên. Một tiểu đoàn trừ bị nằm đợi lệnh trên bãi công dưới quyền chỉ huy của Trung tá Raybaud. Trong khi đó lực lượng Tây Ban Nha dưới quyền của Đại tá Lanzarotte cùng một nửa tiểu đoàn hải quân ở cánh tả, được lệnh áp sát vách thành.

Quân triều đình bị tấn công dưới hỏa lực ác liệt của quân Pháp sớm bị đánh tan, cùng lúc đó ở sườn mặt, một cánh quân của triều đình hơn 1000 người, vẫn tiếp tục cầm cự dưới trận mưa pháo của đại đội bộ binh Pháp. Đại tá Lanzarotte được lệnh đốc toàn lực đẩy lùi cánh quân này ra khỏi mặt Bắc lũy thành Sài Gòn. Đến 10 giờ ngày 17-2 việc chiếm đóng Sài Gòn coi như hoàn tất, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã chiếm đóng nhiều vị trí, đồn binh của quân triều đình trong thành Sài Gòn.

Chỉ trong vòng một tuần lễ, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã làm chủ một vùng rộng 25 dặm dọc theo sông Sài Gòn và toàn bộ thành Sài Gòn được phòng thủ rất qui mô và kiên cố mà ta có thể thấy được qua số chiến lợi phẩm do quân Pháp thu được sau khi chiếm thành:

200 khẩu đại bác bằng sắt và đồng, một hộ tổng hạm và 7 chiến thuyền gỗ còn đang nằm ụ, 20.000 vũ khí, 85.000 kg thuốc nổ, một két sắt chứa 130.000 quan.

Tổn thất của triều đình Huế ước tính 20 triệu quan Pháp.

Cuộc đánh chiếm Sài Gòn trong năm 1859 thực tế chỉ là một cuộc tấn công quân sự thuần túy. Bởi vì ngay sau đó toàn bộ hạm đội Pháp rút đi cùng với quân Anh đánh Trung Hoa, và chỉ để lại một đội quân trú phòng do Đại tá D'ariès trấn giữ, đánh nhau cầm chừng với quân chi viện của triều đình Huế do ông Nguyễn Tri Phương và Tham tán Đại thần Phạm Thế Hiển tổ chức chiến đấu nhằm khôi phục Sài Gòn.

Cuối năm 1860, nhà Thanh bại trận phải ký hiệp ước bất bình đẳng với Pháp - Anh, hạm đội Pháp do phó Đô đốc Charner chỉ huy quay về hoàn tất việc chiếm đóng Sài Gòn. Đầu năm 1861, quân Pháp tập trung toàn bộ lực lượng với 70 chiến thuyền, 3.500 bộ binh đánh chiếm đồn Kỳ Hòa. Rạng sáng 24-2-1861 liên quân Pháp - Tây Ban Nha tổng tiến công đồn Kỳ Hòa. Chiều ngày 25-2-1861 đồn Kỳ Hòa thất thủ, thiệt hại cả hai bên đều rất nặng nề. (Quân triều đình ông Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển bị thương nặng, ông Nguyễn Duy tử trận. Phía quân Pháp Thiếu tướng Vassoigne, Đại tá Tây Ban Nha Planca bị thương (có tài liệu nói chết). Trận đánh Sài Gòn lần 2 được triều đình Pháp đặc biệt quan tâm vì nó mở đầu cho ý đồ mở rộng thuộc địa tại Nam Kỳ, cho nên ngay ngày 27-2-1861 Phó Đô đốc Chatner gửi báo cáo khẩn cấp về Bộ Hải quân và Thuộc địa việc hoàn tất chiếm đóng toàn bộ Sài Gòn cùng lúc với việc điều binh chiếm Biên Hòa và Định Tường.

Sự thất thủ thành Sài Gòn (1859) rồi thất thủ Kỳ Hòa (1861) đã bộc lộ sự yếu kém của vua quan nhà Nguyễn. Như phần trên đã nêu, dưới triều Minh Mạng hệ thống phòng thủ kiên cố của thành Gia Định được xây dựng từ cuối thế kỷ XVIII bị phá bỏ, nhất là việc thao luyện quân sự không được chú trọng, quân sĩ không quen chiến trận dễ bị tan rã khi lâm trận, dù dự trữ lương thực, vũ khí rất dồi dào. Từ sự yếu kém đó dẫn đến những di hại nghiêm trọng khác trong việc tìm hiểu và đánh giá đúng kẻ địch, chọn đối sách hợp lý trước kẻ địch đầy dã tâm. Cho nên ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy triều đình Huế đã chọn sách lược nhượng bộ rồi đầu

hàng, dù tại triều đình cũng có phái "chủ chiến" ngay trong giai đoạn đầu của cuộc xâm lược Pháp.

(Theo sách *Sài Gòn từ khi thành lập đến giữa thế kỷ 19* - NXB TPHCM 1998)

Nguyễn Tri Phương Và Đại đồn Chí Hòa

a) Đại đồn Chí Hòa

Đại đồn Chí Hòa (người Pháp đọc là Ki Hoa, rồi ra lại theo đó mà gọi là Kỳ Hòa) được xây dựng trên làng Chí Hòa, có hình thang mà đáy nhỏ ngang Bà Quẹo, đáy lớn ngang với ga Sài Gòn và đường 3 tháng 2 bây giờ. Hai mặt Tây và Đông chạy dọc theo hai bên đường Cách Mạng Tháng Tám (bây giờ là đường Thiên Lý đi Nam Vang).

Đại đồn rộng chừng 3 cây số vuông, chia làm 5 khu. Thành cao 3,5m, dày 2m. Trên mặt thành và sát vách thành có hàng rào tre gai, phía ngoài là hào sâu có cắm chông dày và các hố chữ phẩm. Bố trí quanh thành là 150 đại bác. Từ đại đồn về phía chùa Cây Mai, quân ta đắp một chiến lũy dài và xây dựng đồn Hữu làm điểm tựa. Từ đại đồn về phía rạch Thị Nghè cũng đắp một chiến lũy tương tự với đồn Tả.

Từ Bà Quẹo tiến về phía Bắc là các đồn Tham Lương, Thuận Kiều, Rạch Tra... Trong tình thế đó thì Chasseloup Laubat được bổ nhiệm làm Thượng thư Bộ Thuộc địa. Y cương quyết thúc đẩy việc thành lập một thuộc địa vĩnh viễn tại Nam Kỳ.

Chiến tranh với Trung Hoa chấm dứt với Hòa ước Bắc Kinh (10-1860), Đô đốc Charner kéo hạm đội về Sài Gòn. Ngày 7-2-1861, Charner đến Sài Gòn cùng với 3 tiểu đoàn bộ binh, 1.200 lính thủy đánh bộ, 600 dân phu mộ ở Quảng Châu và gần đầy đủ một hạm đội. Thêm 9 đại đội tăng viện từ Pháp, 800 quân Pháp và Tây Ban Nha đồn trú từ trước ở Sài Gòn, 150 kíp binh từ Philippines đến, quân số dưới quyền chỉ huy của Charner lên đến 5.000 với gần 70 tàu chiến.

Rõ ràng là một lực lượng rất mạnh so với quân ta ở Sài Gòn cho dù quân số của quân ta đông hơn: 22.000 khinh binh, 10.000 cơ binh và 15.000 quân đóng ở Biên Hòa như là lực lượng tiếp ứng. Với lực lượng như thế, Charner sẵn sàng đối chiến với quân triều đình để mở rộng vùng chiếm đóng.



b) Trận chiến Chí Hòa

Ngày 24-2-1861, từ 4 giờ sáng, trọng pháo Pháp bắt đầu nhả đạn vào thành lũy ta, khởi đầu cuộc tấn công đại đồn. Quân Pháp không đánh thẳng vào mặt phía Nam là mặt đối diện với bờ sông Sài Gòn mà chọn thế đánh ngang hông xuất phát từ đồn Cây Mai.



Tấn công đại đồn Chí Hòa (24/2/1861)

Lúc 5 giờ sáng, lực lượng chủ lực phát xuất từ đồn Cây Mai bắt đầu tấn công vào đồn Hữu. Pháo ta bắn trả dữ dội, đồng thời cho voi xung trận. Pháp điều động trọng pháo lên trước, chỉ cách đồn Hữu 500m và nhả đạn liên tục vào đồn để yểm trợ cho lực quân áp thành, dùng thang leo vào. Trọng pháo nhả ít nhất 500 viên vào đồn và cuối cùng chiếm được đồn Hữu.

Sáng hôm sau, ngày 25-2-1861, từ 5 giờ sáng, quân Pháp chia làm 3 cánh tấn công vào thành phía Tây của đại đồn.

Trọng pháo Pháp, vẫn theo một chiến thuật cổ điển, liên tiếp nhả đạn vào đồn để chuẩn bị cho lực quân áp thành. Mặt trời mọc làm trọng pháo không nhắm được. Tên trung tá Crouzat ra lệnh đưa súng vào chỉ cách thành 200m và trực xạ. Thành vỡ, quân ta và địch đánh cận chiến trong từng khu vực.

Về phía địch có 12 tên chết và 300 tên bị thương, có Đại tá Palanca. Trung tá Testard chết sau đó vì vết thương quá nặng.

Bên ta, [Nguyễn Tri Phương](#) bị thương, Tán lý Nguyễn Duy (em Nguyễn Tri Phương), Tán tương Tôn Thất Chỉ tử trận cùng rất nhiều quân sĩ.

Nguyễn Tri Phương phải ra lệnh lui quân về phía đông Bắc.

Ngày 28-2-1861, quân Pháp tấn công Hóc Môn, rồi từ Hóc Môn tiếp tục đánh đồn Tân Thới... Quân ta phải rút lui về Biên Hòa.

Đại đồn Chí Hòa thất thủ sau hai ngày cầm cự. Quân Pháp thừa kế đánh chiếm Định Tường (15-4-1861), Biên Hòa (7-1-1862) và Vĩnh Long (23-3-1862). Vậy là Sài Gòn đã hoàn toàn rơi vào tay địch. Sài Gòn tan tác trong cơn binh lửa.

*Ngậm ngùi thay ba bốn làng Gò Vấp
Cây cỏ khô, thân thể cũng khô
Bát ngát nhĩ mười tám thôn vườn trầu
Hoa trái rụng rời, người cũng rụng
Mấy dặm Gò Đen, Rạch Kiến
Ngọn lửa thiêu, sự nghiệp sạch không.*

(Theo sách 300 năm SG-TPHCM - NXB CTQG-98)

Nam Kỳ Bị Rơi Vào Tay Pháp

a) Giai đoạn ban đầu của cuộc xâm lược.

Trước khi cho quân đi đánh phá Đà Nẵng vào năm 1858, nước Pháp đã là một đế quốc hùng mạnh có nhiều thuộc địa rải rác ở nhiều nơi, ở châu Mỹ có Martinique, Dominique..., ở châu Phi có Sénégal, Saint Louis, Tahiti, Algérie... Còn ở châu Á thì chỉ mới lấy được một số thành phố hải cảng và Cadédonie.



Trận đánh đồn Chí Hòa

Sau khi lấy Calédonie vào năm 1853, Pháp thực sự tiến hành việc xâm chiếm Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 1858, lấy cớ phản đối chính sách cấm đạo của triều đình Huế, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng bắn phá hải cảng Đà Nẵng để tiến tới tấn công kinh thành Phú Xuân. Quân triều đình chống trả kịch liệt, làm cho Đô đốc của quân Pháp là Rigault de Genouilly thay đổi kế hoạch, đưa quân vào đánh cửa Cần Giờ. Quân Pháp triệt hạ lần lượt 2 đồn từ Cần Giờ đến Gia Định, và ngày 17-2-1859 thì công phá thành Gia Định. Quân Nguyễn bị thua to, quan Đốc thần Vũ Duy Ninh và Aán sát Lê Từ tự vẫn, quân lính tháo chạy. Gia Định thất thủ. Trong dịp này quân Pháp cho mình giệt sập thành Gia Định.

Nguyễn Tri Phương được Triều đình cử vào phụ trách mặt trận này. Ông cho đắp đại đồn Chí Hòa dài 3.000m, ngang 1.000m, cao 3m5 để chống giữ với quân Pháp. Trong thời gian này, phía Pháp có sự thay đổi. Đô đốc Charner sang thay R.de Genouilly chỉ huy toàn quân viễn chinh.

b) Mất ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ

Ngày 23-2-1861, quân Pháp công phá đại đồn Chí Hòa, gặp sự kháng cự quyết liệt của quân Nguyễn. Sau hai ngày chiến sự ác liệt, quân Nguyễn bị tổn thất nặng. Nguyễn Tri Phương bị thương, còn em là Nguyễn Duy thì tử trận. Quân Nguyễn phải bỏ đại đồn Chí Hòa, rút về Biên Hòa.

Sau khi phá được đại đồn Chí Hòa, quân Pháp tiến đánh lấy Định Tường (Mỹ Tho), đặt đồn lũy khắp nơi để kiểm soát. Tướng Bonnard sang thay Charner, triển khai việc đánh chiếm Biên Hòa (1861) và Vĩnh Long (1862). Triều đình Huế cử phái bộ do Phan Thanh Giản cầm đầu vào nghị hòa cùng Bonnard và ký hiệp ước Nhâm Tuất (1862) nhường ba tỉnh miền Đông cho Pháp.

c) Mất ba tỉnh miền Tây

Trong khi nhân dân miền Đông đứng lên chống Pháp thì triều đình Huế cũng muốn đòi lại ba tỉnh đã mất, bèn cử một phái bộ do Phan Thanh Giản làm Chánh sứ, Phạm Phú Thứ làm Phó sứ sang Pháp xin chuộc. Việc thương thuyết chưa ngã ngũ thì quân Pháp tiến hành việc đánh chiếm ba tỉnh miền Tây (6.1867). Phan Thanh Giản lúc ấy đã trở về sau chuyến đi sứ không kết quả, đang làm Kinh lược sứ ở đấy. Nghĩ rằng quân Nguyễn không thể nào chống nổi với quân xâm lược, Phan Thanh Giản dâng thành cho đối phương rồi uống thuốc độc tự tử. Từ đây Nam Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp.



Dân chúng tôn Trương Định

Bước Đầu Phong Trào Chống Pháp

Trong khi Triều đình Huế nhượng từng bước trước quân Pháp và sau đó là cắt đất cho Pháp thì phong trào chống Pháp nổi dậy mạnh mẽ trong dân chúng. Tiêu biểu của buổi khởi đầu chống Pháp là cuộc khởi nghĩa của Trương Định và Võ Duy Dương.

Trương Định (1820-1864) làm Phó lãnh binh tại Gia Định. Năm 1861, sau thất bại của quân Nguyễn ở đại đồn Chí Hòa, Trương Định kéo quân về Gò Công, xây dựng căn cứ, quy tập những người yêu nước cùng đứng lên chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa nổ ra trước khi Triều đình Huế chịu ký nhượng ba tỉnh miền Đông cho Pháp. Từ Gò Công, phong trào chống Pháp lan rộng ra khắp nơi. Nghĩa quân đánh phá quân Pháp tại Mỹ Tho, Biên Hòa, Tân An, Cần Giuộc, Chợ Lớn. Quân Pháp không tiêu diệt được, nhưng sau đó nhờ mua chuộc Việt gian, tìm ra được bản doanh của Trương Định tại làng Kiểng Phước (Gò Công), quân Pháp vây đánh quyết liệt. Trong khi chống trả, Trương Định bị đạn bắn gãy xương sông và hy sinh (1864). Cùng năm đó, thủ lĩnh nghĩa quân ở Tân Bình là **Hồ Huân Nghiệp** cũng bị giặc bắt và hành hình. Phong trào chống Pháp không vì thế mà dừng lại, tiếp theo Trương Định là các cuộc khởi nghĩa khác, tiêu biểu nhất là của Võ Duy Dương (**Thiên Hộ Dương**).

Địa bàn hoạt động của **Võ Duy Dương** là ở Đồng Tháp Mười. Ông đã từng tham gia phong trào khởi nghĩa của Trương Định, được phong chức Thiên hộ, nên thường được gọi là Thiên hộ Dương. Sau khi Trương Định hy sinh, Thiên hộ Dương ra lập căn cứ ở Bằng Lăng, đặt Tổng hành dinh trong vùng đầm lầy Đồng Tháp Mười, dùng chiến thuật du kích để đánh quân Pháp. Chiến thuật này đã làm đảo điên quân Pháp. Chính quân của Võ Duy Dương đã có sáng kiến dùng ong vò vẽ chống lại những trận càn của địch. Quân Pháp cho quân lính đi tiêu trừ mấy phen không được, cuối cùng phải huy động đại quân tấn công bản doanh Tháp Mười. Võ Duy Dương phải chạy về Vàm Cỏ Tây rồi bị bệnh thương hàn và hy sinh tại đây.

Nam Kỳ, chiến trường ở đây chỉ còn có nhân dân và quân Pháp. Tiếp bước theo miền Đông, nhân dân miền Tây đứng lên chống Pháp mà điển hình là các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực và Thủ Khoa Huân.

Nguyễn Trung Trực (1838 - 1868) vốn ở trong hàng ngũ của Trương Định ngay từ buổi đầu tiên. Ông đã tài ba, mưu trí chỉ huy đánh đắm chiếc tàu Espérance của thủy quân Pháp trên sông Vàm Cỏ vào năm 1861. Sau đó ông được Triều đình cử về làm Thành thủ úy Hà Tiên. Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây, ông được lệnh của Triều đình Huế ra trấn nhậm Phú Yên, nhưng Nguyễn Trung Trực không tuân lệnh, ở lại mở mặt trận chống Pháp, lập căn cứ ở Hòn Chông. Tháng 6.1868, ông tiến quân chiếm đảo Phú Quốc. Trước sức mạnh ngày càng lớn của nghĩa quân, quân Pháp bèn bắt giam mẹ của Nguyễn Trung Trực để buộc ông phải ra hàng. Vì hiếu, Nguyễn Trung Trực ra nộp mình và bị hành quyết (1868). Địa bàn hoạt động chính của Thủ Khoa Huân (tên thật là Nguyễn Hữu Huân 1830-1875) là ở An Giang. Thủ Khoa Huân vốn đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa của Trương Định và của thiên hộ Dương. Vào năm 1863 ông bị quan tỉnh An Giang bắt nộp cho quân Pháp. Ông bị Pháp đày đi Nam Mỹ nhưng đến năm 1870 lại được đưa về lại Sài Gòn. Thủ Khoa Huân lại trốn về An Giang, lập căn cứ chống Pháp. Đến năm 1875, Thủ Khoa Huân bị quân Pháp bắt đưa về hành quyết tại quê nhà (huyện Chợ Gạo, Tiền Giang-1875).

Cũng trong phong trào chống thực dân Pháp, giữa những tướng lĩnh và nghĩa quân thể quyết đánh giặc, nhân dân Sài Gòn và Nam Bộ không thể quên được những sĩ phu yêu nước. Không tự cầm gươm giết giặc, nhưng đã dùng ngòi bút

sắc bén của mình cảnh tỉnh đồng bào, lên án bọn cướp nước, tiêu biểu là nhà thơ
chiến sĩ **Nguyễn Đình Chiểu**

(Tôn Nữ Quỳnh Trân - Lịch sử Việt Nam)